TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HC-PT
Ngày: 07 - 01 - 2022
V/v *khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đình Thanh

Ông Đặng Văn Ý

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Duẫn - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Viễn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 30/2020/TLPT-HC ngày 08 tháng 01 năm 2021 về "Khiếu kiện quyết định hành chính".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1406/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 487/2021/QĐ-PT ngày 19 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 763/2021/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 975/2021/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 116/2021/TB-TA ngày 07 tháng 6 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1952/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2021; Thông báo hoãn phiên tòa số 130/2021/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2206/2021/QĐ-PT ngày 14 tháng 10 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 175/2021/QĐ-PT ngày 18 tháng 11 năm 2021 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2859/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện*: Ông Nguyễn Văn H. (vắng mặt).

Địa chỉ: 114 đường L, Tổ 11, Khu phố 5, phường L1, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn H: Ông Vương Xuân K, sinh năm 1972. (Theo văn bản ủy quyền lập ngày 08/7/2021) (có mặt).

Địa chỉ: 455, Khu phố 6, phường L2, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T) . (Vắng mặt).

Địa chỉ: 43 đường N, phường B1, quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T*:* Ông Trần Văn D- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T. (Vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T*:*

Ông Nguyễn Tấn T1- Phó Trưởng Phòng Quản lý Đô thị- Đội trưởng Đội Quản lý Trật tự Đô thị thành phố T (xin vắng mặt).

Ông Phạm Văn T2- Chuyên viên Phòng Quản lý Đô thành phố T (vắng mặt).

Ông Cù Duy Q- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L1, thành phố T (có mặt).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L1, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L1, thành phố T)(vắng mặt).

Địa chỉ: 1262 đường K1, khu phố 2, phường L1, quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn H là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22 và 29/8/2017, đơn khởi kiện bổ sung cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn H có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ông Nguyễn Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 24/QĐ-KPHQ ngày 04/01/2017 về "Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" của Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) quận T(nay là thành phố T) (viết tắt Quyết định số 24/QĐ-KPHQ), Quyết định số 4922/QĐ-CC

ngày 16/8/2017 về "Cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T) (viết tắt Quyết định số 4922/QĐ-CC) và Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường L1 (viết tắt Quyết định số 554/QĐ-UBND). Vì:

-Ông H có căn nhà mang địa chỉ 11/02D (số nhà do Công an phường đánh số để quản lý), Quốc lộ 1, Tổ 11, khu phố 5, phường L1, quận T(nay là thành phố T), trên khuôn viên đất do ông Nguyễn Văn B2 khai phá sử dụng từ năm 1975, đến tháng 12/1992 ông B2 chuyển nhượng đất cho ông Võ Văn Đ. Ông Đ xây dựng nhà rồi sang nhượng cho ông H vào năm 2000. Qua 2 lần cháy nhà (năm 2003 và 2004) ông H chỉ phục dựng lại nhà, việc phục dựng lại vào năm 2006 và sử dụng liên tục đến nay. Hiện tại căn nhà này ông H cho người khác thuê để ở.

-Căn cứ vào "Giấy sang nhượng hoa màu và công khai phá" lập ngày 28/12/1992 được lập giữa ông Nguyễn Văn B2 với ông Võ Văn Đ, Biên lai thu thuế nông nghiệp của ông Nguyễn Văn B2 ngày 21/8/1992, Đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn X ngày 05/01/2008 (được UBND phường Tân Phú xác nhận ông Nguyễn Văn B2 đã đóng thuế từ quý 4/1992 đến 1995 (ấp Gò Cát, phường Tân Phú), Biên bản vi phạm hành chính về quản lý-sử dụng đất đai và xây dựng ngày 22/6/2006 của UBND phường L1, quận T(nay là thành phố T) có ghi ông H đã có hành vi vi phạm hành chính: "Xây dựng nhà cấp 4, xây dựng mới trên nền nhà cũ. Kết cấu tường gạch mái tôn+ vách tôn (nhà I: 4m x 6m=24 m^2) (nhà II: 3m x 4,4m=13,2m^2)", Hợp đồng thuê nhà giữa ông H với bà Phạm Thị T3 lập ngày 01/01/2007 (có lời khai xác nhận của bà T3 tại Tòa án), các Biên lai thu tiền An ninh quốc phòng từ năm 2007 đến 2011 và giấy thu tiền nhà trọ tổ 11 từ năm 2008 đến 2011 đối với ông Nguyễn Văn H, địa chỉ: 11/02D tổ 11, khu phố 5, phường L1 đã chứng minh toàn bộ diện tích nhà 73,8 m^2 được ông H xây dựng vào năm 2006.

Về vị trí nhà: Nhìn từ ngoài vào, bên trái nhà ông H là nhà ông Lê Văn D1(địa chỉ: 11/02E Quốc lộ 1A, phường L1, quận T(nay là thành phố T) TP.HCM), bên phải là nhà ông Nguyễn Văn X.

Như vậy, ông H phục dựng nhà từ năm 2006, có quá trình sử dụng nhà liên tục từ năm 2006 đến nay, không có việc ông H thực hiện hành vi xây dựng nhà vào tháng 6/2012 như Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T) xác định.

-Biên bản Vi phạm hành chính số 37/BB-VPHC do UBND phường L1 lập ngày 21/12/2016 (viết tắt Biên bản số 37/BB-VPHC) có nội dung không đúng sự thật, gán ghép cho ông H xây dựng 73,8m^2 nhà tại thời điểm tháng 06/2012. Căn cứ vào Biên bản này mà Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 24/QĐ-KPHQ và sau đó là Quyết định số 4922/QĐ-CC và

Chủ tịch UBND phường L1 ban hành Quyết định số 554/QĐ-UBND để cưỡng chế phá dỡ nhà của ông H.

Quyết định số 24/QĐ-KPHQ đã xác định thời điểm tạo lập không đúng với Biên bản Vi phạm hành chính ngày 22/6/2006 và không đúng với nội dung phiếu thu tiền an ninh quốc phòng, tiền nhà trọ năm từ năm 2007 đến 2015 của UBND phường L1 đối với căn nhà của ông H.

Vì những lý do trên, ông H yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định số 24/QĐ-KPHQ, Quyết định số 4922/QĐ-CC và Quyết định số 554/QĐ-UBND.

Người bị kiện: Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T) vắng mặt. Theo hồ sơ vụ án và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là ông Phạm Văn T2 và ông Dương Thành N1 trình bày:

Ngày 21/12/2016, UBND phường L1 lập Biên bản số 37/BB-VPHC đối với ông H do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

Thời điểm vi phạm của ông H vào tháng 06/2012 đến thời điểm lập Biên bản số 37/BB-VPHC đã hết thời hiệu xử phạt tiền. Do đó, UBND quận T(nay là thành phố T) không áp dụng hình thức xử phạt tiền đối với ông H mà Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T) chỉ ban hành Quyết định số 24/QĐ-KPHQ đối với ông H. Do ông H không chấp hành theo Quyết định số 24/QĐ-KPHQ nên Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T) ban hành Quyết định số 4922/QĐ-CC để cưỡng chế công trình vi phạm.

Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T) nhận thấy đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục đối với việc ban hành Quyết định số 24/QĐ-KPHQ và Quyết định số 4922/QĐ-CC nên vẫn giữ nguyên các quyết định này.

Căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí ngày số HĐ 018345-3/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 30/5/2012 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt là Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/5/2012) mà UBND phường L1 xác định thời điểm vi phạm của ông H là tháng 06/2012. Bản đồ hiện trạng ngày 30/5/2012 được vẽ theo Hợp đồng giữa ông X, ông K1 và ông H với Trung tâm đo đạc bản đồ. UBND phường L1 và UBND quận T(nay là thành phố T) căn cứ theo hiện trạng đó để xác định thời điểm vi phạm. Về nội dung của bản đồ hiện trạng vị trí đó đúng hay sai thuộc về trách nhiệm của Trung tâm đo đạc bản đồ.

Đối với Biên bản vi phạm hành chính về quản lý sử dụng đất đai và xây dựng ngày 22/06/2006, đây không phải là Biên bản do UBND phường L1 lập, UBND phường không lưu trữ hồ sơ này. UBND quận T(nay là thành phố T) cũng đã có Biên bản làm việc ngày 04/5/2017 đối với ông Nguyễn Hoàng Anh

T4-người có tên trong Biên bản ngày 22/6/2006 để làm rõ vấn đề, ông T4 đã xác định không biết và không tham gia việc lập biên bản này.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L1 vắng mặt. Hồ sơ vụ án thể hiện ý kiến của đương sự:

Ngày 21/12/2016, UBND phường L1 lập biên bản vi phạm hành chính số 37/BB-VPHC đối với ông H.

Ngày 04/01/2017, UBND quận T ban hành Quyết định số 24/QĐ-KPHQ, đến ngày 16/8/2017 Chủ tịch UBND quận Tban hành Quyết định số 4922/QĐ-CC.

Xét thấy hết thời hạn theo yêu cầu của Quyết định số 4922/QĐ-CC ngày 16/8/2017 nhưng Ông Hvẫn không chấp hành tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 29/9/2017, Chủ tịch UBND phường L1 ban hành Quyết định số 554/QĐ-UBND đối với ông H.

Do đó việc ông H yêu cầu hủy Quyết định số 554/QĐ-UBND là không có cơ sở để xem xét. Chủ tịch UBND phường L1 đã ban hành Quyết định theo đúng trình tự thủ tục.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1406/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định*:**

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án xử hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 24/QĐ-KPHQ ngày 04/01/2017 về "Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" và Quyết định số 4922/QĐ-CC ngày 16/8/2017 về "Cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" cùng của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 " Về cưỡng chế, phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị" của Chủ tịch UBND phường L1, quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/9/2020 ông Nguyễn Văn H kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông K đại diện cho ông Nguyễn Văn H vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, hủy các Quyết định số 24/QĐ-KPHQ ngày 04/01/2017 về "Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" và Quyết định số

4922/QĐ-CC ngày 16/8/2017 về "Cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" cùng của Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 " Về cưỡng chế, phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị" của Chủ tịch UBND phường L1, quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Các hành vi hành chính, quyết định hànhh chính của người bị kiện là vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục lập và ban hành văn bản. Biên bản số 37/BB-VPHC ngày 21/12/2016 có những sai phạm như sử dụng sai biểu mẫu; không ghi lời khai của hai người chứng kiến; không ghi quyền và thời hạn giải trình của người vi phạm, cơ quan tiếp nhận giải trình; biên bản có nhiều tờ nhưng chỉ có 4/5 người là ký đầy đủ trên từng tờ; biên bản không giao cho ông H; Biên bản ghi sai địa chỉ cư trú của ông H.

Quyết định số 24-KPHQ ngày 04/01/2017 của Chủ tịch UBND quận T(nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh có sai phạm như không giao cho ông H; sử dụng sai biểu mẫu. Quyết định sử dụng biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 23/2009/NĐ-CP đã hết hiệu lực và thya thế bởi NghỊ định số 812013/NĐ-CP. Quyết định số 24-KPHQ có những sai như ghi sai biểu mẫu, Ghi thiếu cụm từ; ghi thiếu một loại thông tin cá nhân của người vi phạm; nội dung bị đảo lộn, không đúng biểu mẫu quy định.

Quyết định số 4922/QĐ-CC không tuân thủ biểu mẫu, không giao trực tiếp hay gửi đường bưu điện; không có nội dung thời hạn thi hành quyết định; không có nội dung về thời gian hoàn thành cưỡng chế; không ghi cơ quan có trách nhiệm chủ trì tổ chức cưỡng chế và không ghi cơ quan có trách nhiệm tham gia cưỡng chế.

Quyết định số 554/QĐ-UBND ban hành không đúng vì đã có Quyết định số 4922/QĐ-CC.

Nội dung của các hành vi hành chính, quyết định hành chính của người bị kiện là không chính xác vì Biên bản số 37 thể hiện diện tích xây dựng không phép là 73,8 m2, thời điểm xây dựng tháng 6/2012. Phần diện tích đã tồn tại từ năm 2006. Diện tích này đã được UBND phường ghi nhận tại Biên bản kiểm tra ngày 22/6/2006. Ông H đã trực tiếp ở và cho thuê nhà từ năm 2006; Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm đo đạc bản đồ thực hiện sai. Biên bản số 37/BB-VP-HC mâu thuẫn với chính các biên bản lập ngay trước đó. Quyết định số 24-KPHQ, Quyết định số 4922/QĐ-CC, Quyết định số 554/QĐ-UBND đều ban hành dựa trên nội dung của Biên bản số 37/BB-VP-HC.

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm các thủ tục tố tụng như không đưa đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ và nhận định đánh giá không khách quan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Giữ nguyên ý kiến trình bày tại phiên tòa sơ thẩm và ghi nhận trong bản án sơ thẩm. Việc xử lý đúng trình tự, thủ tục. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông H, bác yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên án sơ thẩm. Đại diện của người

khởi kiện cho rằng Quyết định cho nghỉ việc ngụy tạo, không liên quan đến việc này, chính quyền sẽ giải quyết sau.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của ông Nguyễn Văn H:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm:

Có căn cứ xác định ông H đã xây dựng công trình nhà ở có diện tích 73,8m^2 trên đất chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng hợp pháp, đất thuộc lộ giới Quốc lộ 1 và việc xây dựng không có giấy phép xây dựng, vi phạm trong hoạt động xây dựng. UBND quận T(nay là thành phố T) căn cứ Nghị định 23/2009 xử phạt vi phạm hành chính, ban hành Quyết định số 24-KPHQ, Quyết định số 4922/QĐ-CC chưa đúng Nghị định số 121. Nhưng nội dung vụ án và tính chất vụ việc không làm thay đổi nội dung và bản chất của vụ án. Đại diện người khởi kiện đưa ra các vấn đề vi phạm khi ban hành Quyết định . Quyết định có vi phạm về hình thức nhưng bản chất vụ việc là ông H vi phạm pháp luật nên các Quyết định trên được ban hành là hoàn toàn có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện*:

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 24/QĐ-KPHQ, Quyết định số 4922/QĐ-CC cùng của Chủ tịch UBND quận Tvà Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 của Chủ tịch UBND phường L1.

Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tố tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành: được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Ngày 21/12/2016, Công chức Địa chính, Xây dựng, Đô thị và Môi trường thuộc UBND phường L1 lập Biên bản số 37/BB-VPHC đối với ông H do có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại địa chỉ: Không số, Quốc lộ 1, Khu phố 5, phường L1, quận T(thuộc 1 phần thửa đất số 01, tờ bản đồ 16-Tài liệu 2004), diện tích công trình vi phạm 73,8 m^2, thời điểm vi phạm xây dựng: Tháng 6 năm 2012.

Ngày 04/01/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 24/QĐ-KPHQ đối với ông H, có nội dung áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông H phải tháo dỡ phần công trình xây dựng không phép với tổng diện tích 73,8 m^2 như Biên bản số 37/BB-VPHC xác định. Lý do không áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính: Thời điểm vi phạm tháng 6 năm 2012 đến nay đã hết thời hiệu phạt tiền.

Ngày 26/5/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 3135/QĐ-UBND "Về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn H" có nội dung giữ nguyên Quyết định số 24/QĐ-KPHQ, không chấp nhận khiếu nại.

Ông H vẫn không tự giác chấp hành các quyết định trên nên ngày 16/8/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4922/QĐ-CC về "Cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" đối với ông H.

Ngày 29/9/2017, UBND phường L1 căn cứ các quyết định hành chính trên ban hành Quyết định số 554/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị của ông H.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Nguồn gốc, vị trí khu đất có công trình xây dựng 73,8 m^2 của ông H:

- Theo "Giấy sang nhượng hoa màu và công khai phá" lập ngày 28/12/1992 được lập giữa ông Nguyễn Văn B2 (đã chết năm 2006) với ông Võ Văn Đ thì ông B2 chỉ sang nhượng cho ông Đ hoa màu và công khai phá trên phần diện tích khoảng 900 m^2 nằm cặp theo xa lộ Trường Sơn, một mặt giáp rào

trại thực nghiệm thuộc ấp Gò Cát, xã Tân Phú, huyện Thủ Đức (nay là thành phố T) để sử dụng, không phải là thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

- Ông Võ Văn Đ đã bán dãy nhà lá tạm và công trình phụ (theo ông H công trình này do ông Đ tự cất) tại phần đất trên cho nhiều người trong đó có ông Nguyễn Văn H (do ông Đinh Ngọc K1 đại diện bên mua ký tên) nhưng không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận hoặc xác nhận.

- Theo Quy định tạm thời số 639/XDCB "Về lộ giới các trục đường bộ trên lãnh thổ Thành phố Hồ Chí Minh" ngày 08 tháng 4 năm 1982 của Ban Xây dựng cơ bản thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 6982/QĐ-UBND-QLĐT ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Phụ lục lộ giới (chỉ giới đường đỏ) kèm Quyết định thì lộ giới Quốc lộ 1 (tên cũ là Quốc lộ 1A) đã được quy định từ năm 1982.

Đối chiếu vị trí khu đất với các quy định trên và theo Văn bản số 1224/TTĐĐBĐ ngày 20/7/2020 của Trung tâm Đo đạc Bản đồ thì phần nhà đất có diện tích 244,4 m^2 ông H sử dụng có nguồn gốc nêu trên nằm hoàn toàn trong lộ giới Quốc lộ 1A (nay là Quốc lộ 1).

[2.2.2] Theo tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bên xác nhận vào năm 2003 có xảy ra hỏa hoạn tại khu vực này, toàn bộ khu nhà lá trên bị cháy hết. Sau đó, ông H xây dựng nhà nhưng không xin phép xây dựng.

[2.2.3] Thời điểm hình thành công trình xây dựng 73,8 m^2 của ông H.

[2.2.3.1] Căn cứ Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/5/2012 và Văn bản số 1224/TTĐĐBĐ ngày 20/7/2020 của Trung tâm đo đạc Bản đồ có cơ sở xác định trước ngày phát hành Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/5/2012 khu đất có diện tích 244,4 m^2, tờ bản đồ 15, 16 Bộ địa chính, phường L1, quận T(theo tài liệu năm 2004) do ông H sử dụng, chỉ tồn tại 02 công trình xây dựng riêng biệt, gồm: Nhà tôn (diện tích: 3,18 x 6,02 = 19,1m^2) và Mái tôn (diện tích 2,5m x 4m=10m^2).

Hiện trạng công trình trên cũng phù hợp với kết quả xác minh của UBND phường L1 tại Biên bản làm việc ngày 05/4/2017.

[2.2.3.2] Ông K đại diện cho ông H cho rằng phần diện tích nhà 73,8m^2 bị lập Biên bản số 37/BB-VPHC ngày 21/12/2017 có từ năm 2006 nhưng căn cứ vào Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/5/2012 và Văn bản số 1224/TTĐĐBĐ ngày 20/7/2020 của Trung tâm đo đạc Bản đồ thì có cơ sở xác định việc xây dựng công trình 73,8m^2 thực hiện sau ngày lập Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/5/2012.

Thực tế, theo Bản đồ hiện trạng vị trí số 019876-2/ĐĐBĐ-CNTĐ ngày 11/8/2016 của Trung tâm đo đạc Bản đồ (thay thế bản đồ số 018345-3 ngày

30/5/2012) diện tích đất của ông H được đo vẽ lại còn 149,9m^2 (nhằm thửa số 1 và 1 phần đường, tờ bản đồ 16, Bộ địa chính, phường L1, quận T(nay là thành phố T) (tài liệu 2004)) thì phần xây dựng đã thay đổi lớn hơn nhiều so với năm 2012.

[2.2.3.3] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính về quản lý - sử dụng đất đai vào xây dựng ngày 22/6/2006 của UBND phường L1, quận T, xác định ông H có đã có hành vi vi phạm hành chính : "Xây dựng nhà cấp 4, xây dựng mới trên nền nhà cũ. Kết cấu tường gạch mái tôn+ vách tôn (nhà I: 4m x 6m=24 m^2) (nhà II : 3m x 4,4m=13,2m^2)", Hợp đồng thuê nhà giữa ông H và bà T3 lập năm 2007, các giấy đóng tiền nhà trọ các năm 2008+2009+2010+2011, các Phiếu thu tiền quỹ An ninh quốc phòng, cùng các tài liệu khác cung cấp không thể chứng minh công trình xây dựng 73,8 m^2 đã tồn tại từ năm 2006. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập thêm các sổ sách, tài liệu và không cần triệu tập ông Đinh Ngọc K1 và ông Nguyễn Công M đến Tòa án để đối chất về Biên bản vi phạm hành chính về quản lý-sử dụng đất đai và xây dựng ngày 22/6/2006.

[2.2.3.4] Ông H đã xây dựng công trình nhà ở có diện tích 73,8m^2 trên đất chưa được Nhà nước giao quyền sử dụng hợp pháp, đất thuộc lộ giới Quốc lộ 1 và việc xây dựng không có giấy phép xây dựng.

Biên bản số 37/BB-VPHC xác định ông H có hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng tại địa chỉ: Không số, Quốc lộ 1, Khu phố 5, phường L1, quận T(nay là thành phố T) (thuộc 1 phần thửa đất số 01, tờ bản đồ 16-Tài liệu 2004), tổng diện tích xây dựng là 73,8 m^2 là có cơ sở.

Riêng nội dung xác định thời điểm vi phạm xây dựng vào tháng 6/2012 là chưa thuyết phục nhưng không làm ảnh hưởng đến sự thật khách quan của hành vi vi phạm pháp luật về xây dựng của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người khởi kiện đưa ra các vấn đề vi phạm khi ban hành Quyết định trên. Quyết định có vi phạm về hình thức nhưng bản chất vụ việc là ông H vi phạm pháp luật xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng nên các Quyết định trên được ban hành là hoàn toàn có căn cứ.

Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định hành chính số 24/QĐ-KPHQ là có căn cứ, đúng pháp luật. Các Quyết định số 4922/QĐ-CC của Chủ tịch UBND quận T và Quyết định số 554/QĐ-UBND Chủ tịch UBND phường L1 được ban hành để thực hiện Quyết định 24/QĐ-KPHQ là cần thiết, có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng quy định pháp luật. Ông H kháng cáo không đưa ra tình tiết mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H,

giữ nguyên án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và ý kiến của người bảo vệ cho người bị kiện.

[4] Về án phí phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 32, 116, khoản 1 Điều 241, Điều 348 và Điều 349 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013; Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật Tổ chức chính quyền địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, , quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn H. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1406/2020/HC-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H về việc yêu cầu Tòa án xử hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 24/QĐ-KPHQ ngày 04/01/2017 về "Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" và Quyết định số 4922/QĐ-CC ngày 16/8/2017 về "Cưỡng chế thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do vi phạm hành chính gây ra" cùng của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định số 554/QĐ-UBND ngày 29/9/2017 " Về cưỡng chế, phá dỡ công trình vi phạm trật tự đô thị" của Chủ tịch UBND phường L1, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông H đã nộp số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2017/0047566 ngày 30/8/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nay được trừ vào tiền án phí. Ông H đã nộp đủ án phí.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Ông H đã nộp số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số

AA/2019/0092674 ngày 28/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh nay được trừ vào tiền án phí. Ông H đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu (Án - Trúc).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đinh Ngọc Thu Hương